SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THANH HÓA
**CHI CỤC KIỂM LÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1029 /CCKL-BVR&XLVP

*Thanh Hóa, ngày 31 tháng 5 năm 2026*

V/v dự báo và thông tin cấp dự báo cháy rừng từ ngày 01/6 - 03/6/2026.

Kính gửi:
- Báo và Phát thanh, Truyền hình tỉnh;
- UBND các xã, phường có rừng;
- Đội Kiểm lâm Cơ động và PCCCR.

Theo thông tin cảnh báo cháy rừng của Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm và dự báo thời tiết của Trung tâm dự báo khí tượng thủy văn Trung ương, từ ngày 01/6 - 03/6/2026, thời tiết trên địa bàn các xã, phường tiếp tục nắng nóng, khô hanh kéo dài, không có mưa, nguy cơ xảy ra cháy rừng dự báo **cấp III (Cấp cao)**, **cấp IV (Cấp nguy hiểm), cấp V (Cấp cực kỳ nguy hiểm)** cụ thể như sau:

**1. Dự báo cháy rừng cấp V:** Các xã, phường (theo Phụ lục đính kèm).

***1.1. Đặc trưng của cấp V***: Thời tiết khô, hạn kéo dài, có khả năng cháy lớn và lan tràn nhanh trên các loại rừng; tốc độ lửa lan tràn rất nhanh.

***1.2. Biện pháp tổ chức PCCCR:***

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh, Ban Chỉ huy cấp xã và các chủ rừng.

- Lực lượng Công an phòng cháy, chữa cháy phối hợp với lực lượng Kiểm lâm tăng cường kiểm tra nghiêm ngặt trên các vùng trọng điểm cháy, đảm bảo trực 24/24 giờ trong ngày, tăng cường kiểm tra người và phương tiện vào rừng. Thông báo thường xuyên, kịp thời thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng, nội quy dùng lửa trong rừng, ven rừng và tình hình cháy rừng hàng ngày ở địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng

- Không đốt xử lý thực bì trồng rừng, đốt nương rẫy và các hành vi sử dụng lửa trong và ven các khu rừng.

- Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch UBND xã, phường phải kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy; trường hợp cháy rừng vượt quá kiểm soát của xã thì đề nghị các xã, phường liền kề tăng cường lực lượng, phương tiện hỗ trợ. Đồng thời báo cáo ngay về Chi cục Kiểm lâm (cơ quan thường trực chuyên ngành PCCCR cấp tỉnh) để có giải pháp huy động lực lượng, trang thiết bị hỗ trợ ứng phó kịp thời. Trong trường hợp đám cháy lớn vượt quá khả năng kiểm soát, hoặc đám cháy quy mô không lớn nhưng có nguy cơ ảnh hưởng đến người dân, đến an ninh quốc phòng, sự an toàn của các công trình quan trọng, các công trình, vật kiến trúc có nguy cơ gây cháy nổ lớn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn và Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường để huy động chữa cháy rừng.

**2. Dự báo cháy rừng cấp IV:** Các xã, phường (theo Phụ lục đính kèm).

***2.1. Đặc trưng của cấp IV***: Thời tiết khô hanh, hạn kéo dài, có nguy cơ cháy rừng lớn, tốc độ lan tràn lửa nhanh.

***2.2. Biện pháp tổ chức PCCCR:***

- Chủ tịch UBND các xã, phường chỉ đạo Ban chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững trực tiếp chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra nghiêm ngặt các vùng trọng điểm dễ cháy ngoài hiện trường rừng, đảm bảo trực 12/24 h (từ 9h đến 21 h trong ngày) nhất là các giờ cao điểm, phát hiện kịp thời điểm cháy, báo động và huy động lực lượng, phương tiện dập tắt ngay.

- Không đốt xử lý thực bì trồng rừng, đốt nương rẫy và các hành vi sử dụng lửa trong và ven các khu rừng.

- Hạt Kiểm lâm nắm chắc tình hình thời tiết để dự báo và thông báo kịp thời đến các xã, thôn, chủ rừng, cộng đồng dân cư về cấp dự báo cháy rừng và tình hình cháy rừng ở địa phương.

- Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch UBND xã, phường phải kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy; trường hợp cháy rừng vượt quá kiểm soát của xã thì đề nghị các xã, phường liền kề tăng cường lực lượng, phương tiện hỗ trợ. Đồng thời báo cáo ngay về Chi cục Kiểm lâm (cơ quan thường trực chuyên ngành PCCCR cấp tỉnh) để có giải pháp huy động lực lượng, trang thiết bị hỗ trợ ứng phó kịp thời.

**3. Dự báo cháy rừng cấp III (cấp cao):** Các xã, phường (theo Phụ lục đính kèm).

***3.1. Đặc trưng của cấp III:*** Thời tiết khô hanh kéo dài, dễ xảy ra cháy rừng và có khả năng cháy lan trên diện rộng.

***3.2. Biện pháp tổ chức PCCCR:***

- Chủ tịch UBND các xã, phường chỉ đạo Ban chỉ đạo thực hiện chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, Hạt Kiểm lâm đôn đốc việc thực hiện công tác PCCCR của các chủ rừng trên địa bàn.

- Thường xuyên kiểm tra các vùng trọng điểm dễ cháy; tổ chức lực lượng tuần tra canh gác lửa rừng 10/24h trong ngày (từ 10h đến 20h), đặc biệt chú trọng các giờ cao điểm. Các chủ rừng phải thường xuyên kiểm tra lực lượng canh phòng và lực lượng khoán quản bảo vệ rừng, nhất là trồng rừng.

- Khi xảy ra cháy rừng, Chủ tịch UBND xã, phường huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy; trường hợp cháy rừng vượt quá kiểm soát của xã thì đề nghị các xã, phường liền kề tăng cường lực lượng, phương tiện hỗ trợ. Đồng thời báo cáo ngay về Chi cục Kiểm lâm (cơ quan thường trực chuyên ngành PCCCR cấp tỉnh) để có giải pháp huy động lực lượng, trang thiết bị hỗ trợ ứng phó kịp thời.

Chi cục Kiểm lâm dự báo và thông tin cấp dự báo cháy rừng để UBND các xã, phường các cơ quan, đơn vị liên quan chủ động thực hiện các biện pháp PCCCR

trên địa bàn. Giao Phòng Bảo vệ rừng và Xử lý vi phạm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp kết quả công tác PCCCR báo cáo Chi cục trưởng và cấp trên theo quy định./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Sở NN và MT (b/cáo);
- Chi cục trưởng (b/cáo);
- Hạt Kiểm lâm (t/hiện);
- Lưu: VT, BVR&XLVP (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG**
**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THANH HÓA
CHI CỤC KIỂM LÂM THANH HÓA

**Hoàng Văn Chuyên**

**Dự báo và thông tin cấp dự báo cháy rừng từ ngày 01/6-03/6/2026**
**(Nguồn dự báo cháy rừng: Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm)**

*(Kèm theo Công văn số /CCKL-BVR&XLVP ngày / /2026 của Chi cục Kiểm lâm)*

| TT | Tỉnh | Xã, phường | Cấp dự báo | | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Cấp dự báo (cấp cao) | Cấp dự báo (cấp nguy hiểm) | Cấp dự báo (cấp cực kỳ nguy hiểm) | |
| 1 | Thanh Hóa | Xã Tiên Trang | III | | | |
| 2 | Thanh Hóa | Xã Quảng Chính | III | | | |
| 3 | Thanh Hóa | Phường Sầm Sơn | III | | | |
| 4 | Thanh Hóa | Xã Quảng Bình | III | | | |
| 5 | Thanh Hóa | Phường Nam Sầm Sơn | III | | | |
| 6 | Thanh Hóa | Xã Quảng Ninh | III | | | |
| 7 | Thanh Hóa | Xã Thường Xuân | | IV | | |
| 8 | Thanh Hóa | Xã Thành Vinh | | IV | | |
| 9 | Thanh Hóa | Xã Tây Đô | | | V | |
| 10 | Thanh Hóa | Xã Nam Xuân | | | V | |
| 11 | Thanh Hóa | Xã Trung Thành | | | V | |
| 12 | Thanh Hóa | Xã Minh Sơn | | | V | |
| 13 | Thanh Hóa | Xã Vân Du | | IV | | |
| 14 | Thanh Hóa | Xã Kim Tân | | IV | | |
| 15 | Thanh Hóa | Xã Thượng Ninh | | IV | | |
| 16 | Thanh Hóa | Xã Hoằng Tiến | | | V | |
| 17 | Thanh Hóa | Xã Lĩnh Toại | | | V | |
| 18 | Thanh Hóa | Xã Nga An | | | V | |
| 19 | Thanh Hóa | Xã Hà Trung | | | V | |
| 20 | Thanh Hóa | Xã Biện Thượng | | | V | |
| 21 | Thanh Hóa | Xã Cẩm Thạch | | IV | | |
| 22 | Thanh Hóa | Xã Cẩm Thủy | | IV | | |
| 23 | Thanh Hóa | Xã Phú Xuân | | | V | |
| 24 | Thanh Hóa | Xã Tân Thành | | IV | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | Thanh Hóa | Xã Quý Lộc | | | V | |
| 26 | Thanh Hóa | Xã Trung Lý | | | V | |
| 27 | Thanh Hóa | Xã Quý Lương | | IV | | |
| 28 | Thanh Hóa | Xã Thiết Ống | | | V | |
| 29 | Thanh Hóa | Xã Yên Khương | | | V | |
| 30 | Thanh Hóa | Xã Mường Mìn | | | V | |
| 31 | Thanh Hóa | Xã Pù Nhi | | | V | |
| 32 | Thanh Hóa | Xã Định Tân | | | V | |
| 33 | Thanh Hóa | Xã Quảng Ngọc | | IV | | |
| 34 | Thanh Hóa | Xã Xuân Du | | | V | |
| 35 | Thanh Hóa | Xã Ba Đình | | | V | |
| 36 | Thanh Hóa | Xã Nga Thắng | | | V | |
| 37 | Thanh Hóa | Xã Hoạt Giang | | | V | |
| 38 | Thanh Hóa | Xã Thạch Quảng | | IV | | |
| 39 | Thanh Hóa | Xã Phú Lệ | | | V | |
| 40 | Thanh Hóa | Xã Thạch Lập | | | V | |
| 41 | Thanh Hóa | Xã Tam Thanh | | | V | |
| 42 | Thanh Hóa | Xã Đồng Lương | | | V | |
| 43 | Thanh Hóa | Xã Điền Quang | | | V | |
| 44 | Thanh Hóa | Xã Xuân Tín | | | V | |
| 45 | Thanh Hóa | Xã Vạn Xuân | | IV | | |
| 46 | Thanh Hóa | Xã Hiền Kiệt | | | V | |
| 47 | Thanh Hóa | Xã Bá Thước | | | V | |
| 48 | Thanh Hóa | Xã Trung Hạ | | | V | |
| 49 | Thanh Hóa | Xã Pù Luông | | | V | |
| 50 | Thanh Hóa | Xã Văn Phú | | | V | |
| 51 | Thanh Hóa | Xã Thiệu Quang | | | V | |
| 52 | Thanh Hóa | Xã Thắng Lộc | | IV | | |
| 53 | Thanh Hóa | Xã Mường Lát | | | V | |
| 54 | Thanh Hóa | Xã Ngọc Liên | | | V | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 55 | Thanh Hóa | Xã Thọ Lập | | | V | |
| 56 | Thanh Hóa | Xã Cổ Lũng | | | V | |
| 57 | Thanh Hóa | Xã Sơn Điện | | | V | |
| 58 | Thanh Hóa | Xã Quang Chiểu | | | V | |
| 59 | Thanh Hóa | Xã Yên Thắng | | | V | |
| 60 | Thanh Hóa | Xã Văn Nho | | | V | |
| 61 | Thanh Hóa | Xã Na Mèo | | | V | |
| 62 | Thanh Hóa | Xã Hà Long | | | V | |
| 63 | Thanh Hóa | Phường Quang Trung | | | V | |
| 64 | Thanh Hóa | Xã Cẩm Tân | | IV | | |
| 65 | Thanh Hóa | Xã Cẩm Tú | | IV | | |
| 66 | Thanh Hóa | Xã Điền Lư | | IV | | |
| 67 | Thanh Hóa | Xã Nga Sơn | | | V | |
| 68 | Thanh Hóa | Phường Bỉm Sơn | | | V | |
| 69 | Thanh Hóa | Xã Ngọc Trạo | | | V | |
| 70 | Thanh Hóa | Xã Thạch Bình | | | V | |
| 71 | Thanh Hóa | Xã Tam Chung | | | V | |
| 72 | Thanh Hóa | Xã Ngọc Lặc | | | V | |
| 73 | Thanh Hóa | Xã Trung Sơn | | | V | |
| 74 | Thanh Hóa | Xã Cẩm Vân | | | V | |
| 75 | Thanh Hóa | Xã Yên Trường | | | V | |
| 76 | Thanh Hóa | Xã Thắng Lợi | | IV | | |
| 77 | Thanh Hóa | Phường Hàm Rồng | | IV | | |
| 78 | Thanh Hóa | Xã Mường Lý | | IV | V | |
| 79 | Thanh Hóa | Xã Vạn Lộc | | IV | | |
| 80 | Thanh Hóa | Xã Yên Ninh | | | V | |
| 81 | Thanh Hóa | Xã Hoằng Phú | | | V | |
| 82 | Thanh Hóa | Xã Tam Lư | | | V | |
| 83 | Thanh Hóa | Xã Tống Sơn | | | V | |
| 84 | Thanh Hóa | Xã Nhi Sơn | | | V | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 85 | Thanh Hóa | Xã Nguyệt Ấn | | | V | |
| 86 | Thanh Hóa | Xã Hoa Lộc | | IV | | |
| 87 | Thanh Hóa | Xã Thiên Phủ | | | V | |
| 88 | Thanh Hóa | Xã Kiên Thọ | | | V | |
| 89 | Thanh Hóa | Xã Luận Thành | | IV | | |
| 90 | Thanh Hóa | Phường Đông Quang | | IV | | |
| 91 | Thanh Hóa | Xã Thanh Quân | | IV | | |
| 92 | Thanh Hóa | Xã Giao An | | IV | | |
| 93 | Thanh Hóa | Xã Sơn Thủy | | | V | |
| 94 | Thanh Hóa | Xã Mường Chanh | | | V | |
| 95 | Thanh Hóa | Xã Định Hòa | | | V | |
| 96 | Thanh Hóa | Phường Đông Tiến | | | V | |
| 97 | Thanh Hóa | Xã Đông Thành | | IV | | |
| 98 | Thanh Hóa | Xã Hoằng Sơn | | IV | | |
| 99 | Thanh Hóa | Xã Hoằng Giang | | IV | | |
| 100 | Thanh Hóa | Xã Quan Sơn | | | V | |
| 101 | Thanh Hóa | Xã Thọ Ngọc | | IV | | |
| 102 | Thanh Hóa | Xã Thanh Kỳ | | | V | |
| 103 | Thanh Hóa | Xã Mậu Lâm | | IV | | |
| 104 | Thanh Hóa | Xã Lam Sơn | | IV | | |
| 105 | Thanh Hóa | Xã Triệu Sơn | | IV | | |
| 106 | Thanh Hóa | Xã Thọ Bình | | IV | | |
| 107 | Thanh Hóa | Xã Thọ Phú | | IV | | |
| 108 | Thanh Hóa | Xã Sao Vàng | | IV | | |
| 109 | Thanh Hóa | Xã Yên Thọ | | IV | | |
| 110 | Thanh Hóa | Xã Như Thanh | | IV | | |
| 111 | Thanh Hóa | Xã Thanh Phong | | IV | | |
| 112 | Thanh Hóa | Xã Hóa Quỳ | | IV | | |
| 113 | Thanh Hóa | Xã Xuân Thái | | IV | | |
| 114 | Thanh Hóa | Xã Như Xuân | | IV | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 115 | Thanh Hóa | Xã Xuân Bình | | IV | | |
| 116 | Thanh Hóa | Phường Tân Dân | | | V | |
| 117 | Thanh Hóa | Phường Ngọc Sơn | | | V | |
| 118 | Thanh Hóa | Xã Tượng Lĩnh | | IV | | |
| 119 | Thanh Hóa | Xã Thăng Bình | | IV | | |
| 120 | Thanh Hóa | Phường Nghi Sơn | | | V | |
| 121 | Thanh Hóa | Xã Trường Lâm | | | V | |
| 122 | Thanh Hóa | Phường Trúc Lâm | | | V | |
| 123 | Thanh Hóa | Phường Hải Lĩnh | | | V | |
| 124 | Thanh Hóa | Phường Đào Duy Từ | | | V | |
| 125 | Thanh Hóa | Xã Các Sơn | | | V | |
| 126 | Thanh Hóa | Phường Tĩnh Gia | | | V | |
| 127 | Thanh Hóa | Phường Hải Bình | | | V | |
| 128 | Thanh Hóa | Xã Công Chính | | IV | | |
| 129 | Thanh Hóa | Xã Trường Văn | | IV | | |
| 130 | Thanh Hóa | Xã Nông Cống | | IV | | |
| 131 | Thanh Hóa | Xã Yên Nhân | | IV | | |
| 132 | Thanh Hóa | Xã Xuân Chinh | | IV | | |
| 133 | Thanh Hóa | Xã Bát Mọt | | IV | | |
| 134 | Thanh Hóa | Xã Linh Sơn | | IV | | |
| 135 | Thanh Hóa | Xã Lương Sơn | | IV | | |
| 136 | Thanh Hóa | Xã Vĩnh Lộc | | | V | |
| 137 | Thanh Hóa | Xã Trung Chính | | IV | | |
| 138 | Thanh Hóa | Xã Hồi Xuân | | | V | |
| 139 | Thanh Hóa | Xã Triệu Lộc | | IV | | |
| 140 | Thanh Hóa | Xã Hoằng Lộc | | IV | | |
| 141 | Thanh Hóa | Xã Tân Ninh | | IV | | |
| 142 | Thanh Hóa | Phường Đông Sơn | | IV | | |
| 143 | Thanh Hóa | Xã Hoằng Châu | | IV | | |
| 144 | Thanh Hóa | Xã Hoằng Thanh | | IV | | |
| | **Tổng** | | **6** | **59** | **79** | |